BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DU LỊCH ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HK I NĂM HỌC 2019-2020

ĐVT: đồng

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp xã hội	Số tiền		Thành tiền	Ký nhận
						Số tiền 140.000đ x 04 tháng(T9 - T12/2019)	Số tiền 100.000đ x 04 tháng(T9 - T12/2019)		
1	19D4051387	Ating Thị Quỳnh	K53 QTKS 2	Con DTTS hộ nghèo	1	560,000		560,000	
2	19D4011292	Lương Thị Linh	K53 QTDVDL&LH 2	Con DTTS hộ nghèo	1	560,000		560,000	
3	18D4011455	Đinh Thị Bích Phương	K53 K52 QTDVDL&LH	Con DTTS hộ nghèo	1	560,000		560,000	ĐT B Phương
4	19D4041104	Nguyễn Văn Hậu	K53 DU LỊCH 2	Con DTTS vùng ĐBKK	1	560,000		560,000	Hậu
5	19D4011711	Lê Thị Thanh Tuyền	K53 LH ĐT 2	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
6	19D4041243	Nguyễn Thị Ngần	K53 DU LỊCH ĐT 2	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
7	19D4051498	Trần Văn Tiến	K53 QTKS 1	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	
8	16D4021121	Nguyễn Kim Thủy Tiên	K50 QT KDDL	Mồ côi cả cha, mẹ.	2		400,000	400,000	
9	18D4011227	Đỗ Thị Khánh Huyền	K52 QTDVDL&LH 1	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	
10	18D4021112	Lê Thị Cúc Phương	K52 QTKD 2	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	
11	17D4011242	Lê Khắc Nguyên	K51 QLLH 3	Con DTTS vùng ĐBKK	1	560,000		560,000	Nguyên
12	19D4021027	Phạm Thị Hiền	K53 QTKD	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	
13	19D4011422	Nguyễn Thị Yến Nhi	K53 QTDVDL&LH	Hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	Nhi
14	18D4011381	Tacooi Thị Ngơi	K52 QTDVDL&LH 2	Con DTTS vùng ĐBKK	1	560,000		560,000	Ngơi
15	17D4011132	Nguyễn Thị Hương	K51 QTDVDL&LH 2	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	Hương
			K52						

	18D4011566	Phan Thị Thiện	QTDVDL&LH 2	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	
17	19D4011362	Hồ Thị Năm	K53 QTDVDL&LH	Con DTTS hộ cận nghèo	1	560,000		560,000	
18	19D4011100	Nguyễn Đặng Ánh Duyên	K53 QTDVDL&LH 3	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
19	18D4041123	Đặng Thị Nhung	K52 DU LỊCH 1	Mồ côi cả cha, mẹ.	2		400,000	400,000	Nhung
20	18D4041166	Araal Thị Thúy	K52 DU LỊCH 1	Con DTTS hộ cận nghèo	1	560,000		560,000	Thúy
21	16D4011054	Trần Thị Hảo	K50 HDDL 3	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	
22	19D4051606	Trần Thị Thanh	K53 QTKS ĐT 3	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	
23	19D4051195	Hồ Thị Ngọc Lan	K53 QTKS 1	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	Lan
24	19D4041184	Đinh Linh	K53 DU LỊCH 2	Con DTTS hộ nghèo	1	560,000		560,000	Đinh Linh
25	19D4041457	Arâl Thị Tươi	K53 DU LỊCH 1	Con DTTS hộ nghèo	1	560,000		560,000	Tươi Arâl Thị Tươi
26	19D4051296	Ta Cooi Thị Nguyệt	K53 QTKS 1	Con DTTS vùng ĐBKK	1	560,000		560,000	Tcnguyệt
27	18D4041066	Hoàng Thị Khánh Linh	K52 DU LỊCH 2	Hộ nghèo	2		400,000	400,000	Linh
28	19D4011471	Hồ Thị Kiều Phước	K53 QTDVDL&LH 4	Con DTTS vùng ĐBKK	1	560,000		560,000	
29	18D4011518	Phan Thanh Tân	K52 QTDVDL&LH	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	
30	18D4011536	Nguyễn Hiền Thảo	K52 QTDVDL&LH	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	
31	18D4011462	Nguyễn Đức Phương	K52 QTDVDL&LH	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	Phương
32	18D4021154	Trương Thị Huyền Trân	K52 QTKD 2	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
33	16D4031049	Từ Thị Thu Trâm	K50 KINH TẾ	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
34	19D4041419	Bùi Thị Thu Trang	K53 DU LỊCH 1	Con hộ cận nghèo	2		400,000	400,000	
35	19D4011483	Trần Thị Trà Phương	K53 QTDVDL&LH 1	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
36	18D4041095	Trần Thị My	K52 DU LỊCH 2	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
			K53						

19D4011229	Hồ Thị Ngọc Huyên	QTDVDL&LH	Con hộ nghèo	2		400,000	400,000	
							16,720,000	
	Tổng cộng							

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng.

KHOA TRƯỞNG .KDL	PTBP.KH-TC KDL	NGƯỜI LẬP
Trần Hữu Tuấn	Nguyễn Thị Vân Ti	Nguyễn Thị Mai Hương